

Bản án số: 02/2024/KDTM-ST
Ngày: 29/5/2024
V/v: “Tranh chấp hợp
đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM – TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Loan Trần Hải Yến

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Đinh Ngọc Hùng

2. Ông Doãn Đức Hùng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa:**
Ông Cao Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom - tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2023/TLST-KDTM ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1)**

Địa chỉ trụ sở: số H L, phường L, Quận Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T - Chức vụ: Phó tổng Giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý – Ngân hàng TMCP V.

Ông T ủy quyền tham gia tố tụng cho:

1. Ông Phạm Đức C, sinh năm 1997.

2. Ông Ma Khắc K, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà A, số I C, phường D, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

2. **Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên N.**

Địa chỉ trụ sở: Số C, ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Q – Chủ tịch Công ty kiêm giám đốc.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị Q, sinh năm 1985**

Địa chỉ: Số C, ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Quốc P** – Luật sư Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B. Địa chỉ văn phòng: 81, đường L, khu phố B, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông C, Luật sư Phòng có mặt, còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/7/2023, tại bản tự khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH Một thành viên N đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP V (viết tắt V2) theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: EGV/22867 ngày 21/07/2022, được tóm tắt như sau:

+ Khế ước nhận nợ lần: 01/Số: EGV/22867-01 ngày 21/07/2022; số tiền vay: 1.003.850.956 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng; Lãi suất là 17.9%/năm, điều chỉnh 1 lần/tháng; Ngày giải ngân: 21/7/2022; Ngày đến hạn: Ngày 21/01/2023; Mục đích: Bổ sung vốn phục vụ cho hoạt động buôn bán và sản xuất giường tủ, bàn, ghế, băng gỗ.

+ Khế ước nhận nợ lần: 02/Số: DV/22063-02 ngày 23/7/2022; số tiền vay: 1.996.149.044 đồng ; Thời hạn vay: 06 tháng; Lãi suất là 17.9%/năm, điều chỉnh 1 lần/tháng; Ngày giải ngân: 23/7/2022; Ngày đến hạn: Ngày 23/01/2023; Mục đích: Bổ sung vốn phục vụ cho hoạt động buôn bán và sản xuất giường tủ, bàn, ghế, băng gỗ.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, bà Bùi Thị Q đã ký Hợp đồng bảo lãnh số: EGV/22867/HDBL ngày 21/07/2022 với V1, bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang của bà Bùi Thị Q.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH Một thành viên N đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. V1 đã nhiều lần liên hệ làm việc yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên N thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho V1, nhưng Công ty TNHH Một thành viên N đã cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tạm tính đến ngày 17/07/2023, Công ty TNHH Một thành viên N còn nợ V1 tổng số tiền là: 3.552.247.035 đồng (Trong đó nợ gốc: 2.999.806.801 đồng; Nợ lãi: 528.487.412 đồng và nợ lãi chậm trả là 23.952.823 đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, V1 xác định Công ty TNHH Một thành viên N còn nợ V1 tạm tính đến ngày Tòa án xét xử (ngày 29/5/2024) số tiền 4.526.456.067 đồng trong đó nợ gốc 2.999.806.801 đồng; nợ lãi 1.353.068.552 đồng, nợ lãi chậm trả là 173.580.714 đồng.

Do đó V1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty TNHH Một thành viên N phải trả ngay một lần cho V1 tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày Tòa án xét xử (ngày 29/5/2024) số tiền 4.526.456.067 đồng trong đó nợ gốc 2.999.806.801 đồng; nợ lãi 1.353.068.552 đồng, nợ lãi chậm trả là 173.580.714 đồng và số tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 30/5/2024 cho đến khi thanh

toán xong nợ gốc với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay hạn mức và các khế ước nhận nợ đã ký kết giữa các bên.

Trường hợp Công ty TNHH Một thành viên N không thanh toán được số tiền còn nợ nêu trên thì bà Bùi Thị Q có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ nêu trên theo nội dung Hợp đồng bảo lãnh số: EGV/22867/HDBL ngày 21/07/2022 đã ký với V1 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ trên.

Tại bản tự khai ngày 03/4/2024 bị đơn Công ty TNHH Một thành viên N do bà Bùi Thị Q đại diện theo pháp luật trình bày:

Công ty xác định có ký hợp đồng cho vay hạn mức số: EGV/22867 ngày 21/07/2022 và ký 02 khế ước vay nợ như sau: Khế ước nhận nợ lần: 01/Số: EGV/22867-01 ngày 21/07/2022 và Khế ước nhận nợ lần: 02/Số: DV/22063-02 ngày 23/7/2022 với V1, đúng thời gian và số tiền gốc, tuy nhiên công ty chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng là do hậu quả của dịch covid 19 cùng nền kinh tế chung bị ảnh hưởng và ngày 26/12/2023, khu nhà xưởng cùng với những tài sản khác của Công ty bị cháy rụi toàn bộ nên công ty mất khả năng trả nợ, không còn khả năng tái tạo kinh doanh nên xin Ngân hàng gia hạn nợ trong thời hạn 24 tháng để phục hồi kinh tế để trả nợ.

Tại bản tự khai ngày 03/4/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Q trình bày:

Công ty TNHH Một thành viên N có ký hợp đồng cho vay hạn mức số: EGV/22867 ngày 21/07/2022 và ký 02 khế ước vay nợ như sau: Khế ước nhận nợ lần: 01/Số: EGV/22867-01 ngày 21/07/2022 và Khế ước nhận nợ lần: 02/Số: DV/22063-02 ngày 23/7/2022 với V1, đúng thời gian và số tiền gốc, tuy nhiên công ty chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng là do hậu quả của dịch covid 19 cùng nền kinh tế chung bị ảnh hưởng và ngày 26/12/2023, khu nhà xưởng cùng với những tài sản khác của Công ty bị cháy rụi toàn bộ nên công ty mất khả năng trả nợ, không còn khả năng tái tạo kinh doanh nên xin Ngân hàng gia hạn nợ trong thời hạn 24 tháng để phục hồi kinh tế để trả nợ.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Luật sư Nguyễn Quốc P trình bày:

Công ty TNHH Một thành viên N là khách hàng lâu năm của Ngân hàng TMCP V, việc vay và thực hiện trả nợ trước đó thực hiện rất tốt nên V1 mới cho Công ty TNHH Một thành viên N vay tín chấp với số tiền là 3.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh Covid 19, tình hình kinh tế khó khăn, sau đó toàn bộ kho xưởng của công ty bị cháy rụi nên Công ty mất khả năng thanh toán. Tại phiên tòa hôm nay thì phía bị đơn cũng đồng ý với các khoản tiền còn nợ, chỉ xin V1 xem xét giảm lãi nhưng không được thì chúng tôi cũng đồng ý với tất cả các yêu cầu của phía Ngân hàng TMCP V yêu cầu.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của V1. Buộc Công ty TNHH Một thành viên N trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tính đến ngày 29/5/2024 là 4.526.456.067 đồng, trong đó nợ gốc 2.999.806.801 đồng; nợ lãi 1.353.068.552 đồng, nợ lãi chậm trả là 173.580.714 đồng và số tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 30/5/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay hạn mức và các khế ước nhận nợ đã ký kết giữa các bên.

Trường hợp Công ty TNHH Một thành viên N không thanh toán được số tiền còn nợ nêu trên thì bà Bùi Thị Q có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ nêu trên theo nội dung Hợp đồng bảo lãnh số: EGV/22867/HDBL ngày 21/07/2022 đã ký với V1 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Công ty TNHH Một thành viên N có địa chỉ trụ sở tại số C, ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ Điều 30, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo pháp luật bị đơn công ty TNHH Một thành viên N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Q có đơn xin xét xử vắng mặt; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên N và bà Bùi Thị Q thanh toán tiền còn nợ đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số: EGV/22867 ngày 21/07/2022, nên được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xét thấy:

[4.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty TNHH Một thành viên N phải trả ngay một lần cho V1 tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày Tòa án xét xử (ngày 29/5/2024) số tiền 4.526.456.067 đồng trong đó nợ gốc 2.999.806.801 đồng; nợ lãi 1.353.068.552 đồng, nợ lãi chậm trả là 173.580.714 đồng và số tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 30/5/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay hạn mức và các khế ước nhận nợ đã ký kết giữa các bên.

[4.2] Trường hợp Công ty TNHH Một thành viên N không thanh toán được số tiền còn nợ nêu trên thì bà Bùi Thị Q có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ nêu trên theo nội dung Hợp đồng bảo lãnh số: EGV/22867/HDBL ngày 21/07/2022 đã ký với V1 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ trên.

[4.3] Quá trình giải quyết vụ án Công ty xác định có ký hợp đồng cho vay hạn mức số: EGV/22867 ngày 21/07/2022 và ký 02 khế ước vay nợ như sau: Khế

ước nhận nợ lần: 01/Số: EGV/22867-01 ngày 21/07/2022 và Khế ước nhận nợ lần 02/Số: DV/22063-02 ngày 23/7/2022 với V1, đúng thời gian và số tiền gốc, tuy nhiên công ty chưa thanh toán nợ cho công ty là do hậu quả của dịch covid 19 cùng nền kinh tế chung bị ảnh hưởng, ngày 26/12/2023, khu nhà xưởng cùng với những tài sản khác của Công ty bị cháy rụi toàn bộ nên công ty mất khả năng trả nợ, không còn khả năng tái tạo kinh doanh nên xin Ngân hàng gia hạn nợ trong thời hạn 24 tháng để phục hồi kinh tế để trả nợ.

[4.4] Xét thấy, việc các bên có ký kết hợp đồng cho vay hạn mức số: EGV/22867 ngày 21/07/2022 và Khế ước nhận nợ lần: 01/Số: EGV/22867-01 ngày 21/07/2022 và Khế ước nhận nợ lần: 02/Số: DV/22063-02 ngày 23/7/2022; Để đảm bảo cho khoản vay trên, bà Bùi Thị Q đã ký Hợp đồng bảo lãnh số: EGV/22867/HDBL ngày 21/07/2022 với V1, bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang của bà Bùi Thị Q với V1, tất cả đều được các bên thừa nhận, tuy nhiên bị đơn có xin gia hạn nợ và giảm lãi nhưng không được Ngân hàng chấp nhận. Do đó chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4.5] Buộc Công ty TNHH Một thành viên N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền còn nợ tạm tính đến ngày Tòa án xét xử (ngày 29/5/2024) số tiền 4.526.456.067 đồng, trong đó nợ gốc 2.999.806.801 đồng; nợ lãi 1.353.068.552 đồng và nợ lãi chậm trả là 173.580.714 đồng và số tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 30/5/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay hạn mức và các khế ước nhận nợ đã ký kết giữa các bên.

[4.6] Trường hợp Công ty TNHH Một thành viên N không thanh toán được số tiền còn nợ nêu trên thì bà Bùi Thị Q có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ nêu trên theo nội dung Hợp đồng bảo lãnh số: EGV/22867/HDBL ngày 21/07/2022 đã ký với V1 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ trên.

[5] Về án phí: Công ty TNHH Một thành viên N phải chịu 112.526.456 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 51.523.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[6] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng của Quốc hội số 47/2010/QH12; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với Công ty TNHH Một thành viên N về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc Công ty TNHH Một thành viên N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tạm tính đến ngày Tòa án xét xử (ngày 29/5/2024) số tiền 4.526.456.067 đồng (bốn tỷ năm trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn không trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc 2.999.806.801 đồng (Hai tỷ chín trăm chín mươi chín triệu tám trăm lẻ sáu nghìn tám trăm lẻ một đồng); nợ lãi 1.353.068.552 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi ba triệu không trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm năm mươi hai đồng) và nợ lãi chậm trả là 173.580.714 đồng (một trăm bảy mươi ba triệu năm trăm tám mươi nghìn bảy trăm mười bốn đồng) và số tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 30/5/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay hạn mức và các khế ước nhận nợ đã ký kết giữa các bên.

Trường hợp Công ty TNHH Một thành viên N không thanh toán được số tiền còn nợ nêu trên thì bà Bùi Thị Q có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ nêu trên theo nội dung Hợp đồng bảo lãnh số: EGV/22867/HDBL ngày 21/07/2022 đã ký với V1 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ trên.

Về án phí: Công ty TNHH Một thành viên N phải chịu 112.526.456 đồng (Một trăm mười hai triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 51.523.000 đồng (Năm mươi một triệu năm trăm hai mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007439 ngày 29/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Loan Trần Hải Yến

